



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Phạm Hải Long	Ủy viên
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên
Ông Lê Quang Chính	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Văn phòng Công ty.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Văn phòng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Văn phòng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 20 tháng 07 năm 2019, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Văn phòng Công ty là 122,89 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 221,50 tỷ đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Văn phòng Công ty được Ban Tổng Giám đốc lập và trình bày.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn *AM*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		141.262.605.790	135.821.459.044
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.050.660.080	26.879.859.836
111	1. Tiền		26.050.660.080	26.879.859.836
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.314.199.941	48.255.966.950
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.786.384.084	25.088.986.985
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		774.846.928	621.963.795
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		6.227.249.140	7.306.359.408
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.189.379.543	15.902.316.516
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(663.659.754)	(663.659.754)
140	IV. Hàng tồn kho	8	39.312.890.173	42.121.788.783
141	1. Hàng tồn kho		39.312.890.173	42.121.788.783
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.584.855.596	18.563.843.475
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.426.131.497	2.890.111.370
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.784.579.182	7.299.587.188
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	8.374.144.917	8.374.144.917
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		538.402.668.762	573.756.679.410
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		720.437.819	720.437.819
214	1. Phải thu nội bộ dài hạn		720.437.819	720.437.819
220	II. Tài sản cố định		514.637.239.927	558.537.150.107
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	514.637.239.927	558.537.150.107
222	- Nguyên giá		1.474.306.568.833	1.535.354.033.020
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(959.669.328.906)	(976.816.882.913)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.654.500)	(238.654.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	430.992.522	-
231	- Nguyên giá		6.636.446.595	5.785.803.477
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.205.454.073)	(5.785.803.477)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		763.686.291	589.338.109
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	763.686.291	589.338.109
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.292.661.205	4.306.829.805
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	5.998.468.525
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.705.807.320)	(1.691.638.720)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.557.650.998	9.602.923.570
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	17.557.650.998	9.602.923.570
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		679.665.274.552	709.578.138.454

1110
ÔNG
HÀNH
G K
A
3 N K

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

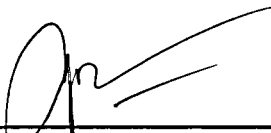
Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng


Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

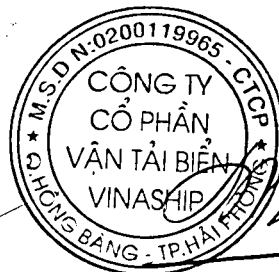
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		618.236.043.509	674.781.761.501
310	I. Nợ ngắn hạn		264.156.840.869	288.763.777.169
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.095.326.198	73.351.277.773
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	7.672.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.012.214.328	2.986.277.132
314	4. Phải trả người lao động		10.478.763.392	12.214.558.843
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.185.271.719	2.732.278.499
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	4.124.901.297	14.290.280.687
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	35.696.417.730	34.787.296.945
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	150.219.899.105	137.682.493.190
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.344.047.100	3.047.314.100
330	II. Nợ dài hạn		354.079.202.640	386.017.984.332
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	103.534.657.640	100.164.979.332
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	250.544.545.000	285.853.005.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		61.429.231.043	34.796.376.953
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	61.429.231.043	34.796.376.953
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(221.503.490.811)	(248.136.344.901)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(248.136.344.901)	(281.360.367.257)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		26.632.854.090	33.224.022.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		679.665.274.552	709.578.138.454


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng




Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	354.570.262.797	352.640.780.751
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		354.570.262.797	352.640.780.751
11	4. Giá vốn hàng bán	23	325.937.366.214	332.246.120.533
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.632.896.583	20.394.660.218
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	275.158.757	3.822.483.221
22	7. Chi phí tài chính	25	10.619.023.812	22.093.620.223
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.141.370.533	18.096.805.119
25	8. Chi phí bán hàng	26	6.251.297.941	5.547.988.073
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	11.351.668.595	9.452.488.820
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		686.064.992	(12.876.953.677)
31	11. Thu nhập khác	28	26.016.379.478	143.376
32	12. Chi phí khác	29	69.590.380	1.929.525.186
40	13. Lợi nhuận khác		25.946.789.098	(1.929.381.810)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.632.854.090	(14.806.335.487)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.632.854.090	(14.806.335.487)

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

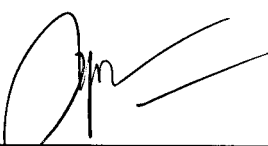
Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		348.586.560.492	388.431.719.294
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(286.837.822.704)	(291.959.415.857)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(42.086.279.350)	(36.570.530.830)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.331.736.957)	(1.311.786.053)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.927.867.312	17.964.246.306
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.778.147.337)	(20.213.621.777)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>5.480.441.456</i>	<i>56.340.611.083</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.585.651.818)	(629.768.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		19.190.363.637	23.777.662.500
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	12.554.993.400
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.496.344	714.841.731
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>17.625.208.163</i>	<i>36.417.729.449</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		7.480.000.000	1.940.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.365.000.000)	(63.920.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(23.885.000.000)</i>	<i>(61.980.000.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(779.350.381)	30.778.340.532
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.879.859.836	22.929.181.437
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(49.849.375)	31.308.227
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		26.050.660.080	53.738.830.196



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Wang Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 200.000.000.000 đồng; trong đó 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2019, lỗ lũy kế là 221,50 tỷ đồng (tại 31/12/2018 là 248,14 tỷ đồng), nợ ngắn hạn của Văn phòng Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 122,89 tỷ đồng (tại 31/12/2018 là 152,94 tỷ đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Văn phòng Công ty.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để được UBND Thành phố Hải Phòng cấp Lô đất TM8 Cầu Rào 2, đây là lô đất được cấp cho thuê mới từ việc phải trả lại trụ sở đặt tại số 1 Hoàng Văn Thụ để UBND Thành phố Hải Phòng xây dựng dự án Cầu Hoàng Văn Thụ. Hiện tại, Công ty vẫn tạm lánh tại địa chỉ Số 1 Hoàng Văn Thụ do chưa có quyết định di dời của UBND Thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, việc được cấp đất phụ thuộc hoàn toàn vào công tác giải tỏa của UBND Thành phố Hải Phòng.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020 Ban Tổng Giám đốc đã và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn theo hướng giãn nợ, khoan nợ, miễn giảm lãi vay và mua bán nợ. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này. Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành tái cơ cấu 02 khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB). Tính đến 30/06/2019, Công ty đang thực hiện theo kế hoạch trả nợ vay đã được tái cơ cấu để đảm bảo tình hình tài chính của Công ty.

Trong kế hoạch thanh lý các con tàu cũ hoạt động không hiệu quả, Công ty đã thanh lý xong con tàu Mỹ An để bổ sung nguồn tài chính cho hoạt động của Công ty. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
- Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
- Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
- Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Hải Phòng	Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác
- Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, thu gom, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI VĂN PHÒNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Văn phòng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Văn phòng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 06 năm |

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, Văn phòng Công ty không thực hiện trích dự phòng chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu đối với mỗi kỳ lên đà sửa chữa theo kế hoạch có giá trị 8,7 tỷ đồng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định Văn phòng Công ty đã phản ánh kỳ trước tương ứng với các tàu này có giá trị 8,7 tỷ đồng. Việc thay đổi ước tính kế toán về chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định này khiến chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định kỳ này giảm đột biến so với cùng kỳ năm trước, ảnh hưởng của vấn đề này sẽ kéo dài đến lần lên đà sửa chữa tiếp theo của từng tàu là tài sản cố định của Văn phòng Công ty.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Văn phòng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu vận tải biển

Doanh thu vận tải biển được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành. Văn phòng Công ty sử dụng tiêu thức thời gian để xác định phần công việc hoàn thành. Theo đó đối với mỗi chuyến hàng ngay tại thời điểm bắt đầu Văn phòng Công ty đã ước tính tổng thời gian vận hành tàu (bao gồm cả thời gian bốc xếp và thời gian chạy trên biển). Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán, Văn phòng Công ty xác định được thời gian tàu đã chạy từ khi bắt đầu chuyến hàng đến ngày lập Bảng cân đối kế toán và tiến hành ghi nhận doanh thu chuyến hàng tương ứng với thời gian tàu đã chạy trên tổng thời gian vận chuyển ước tính của chuyến hàng.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Văn phòng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Văn phòng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.252.362.000	365.761.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.798.298.080	26.514.098.836
	<u>26.050.660.080</u>	<u>26.879.859.836</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	5.998.468.525	107.846.100	(1.705.807.320)	5.998.468.525	121.380.200	(1.691.638.720)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - VOS	1.276.000.000	87.000.000	(1.189.000.000)	1.276.000.000	97.800.000	(1.178.200.000)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	20.211.600	(516.807.320)	537.018.920	23.580.200	(513.438.720)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	409.605	634.500	-	409.605	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ^(*)	4.185.040.000	-	-	4.185.040.000	-	-
	5.998.468.525	107.846.100	(1.705.807.320)	5.998.468.525	121.380.200	(1.691.638.720)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/06/2019.

(*) Riêng đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả Công ty Cổ phần Thương mại NCL Asian Chartering & Shipping Co., Ltd	3.873.060.343	-	6.663.041.156	-
Phải thu khách hàng khác	23.684.884.016	(663.659.754)	15.491.548.429	(663.659.754)
	34.786.384.084	(663.659.754)	25.088.986.985	(663.659.754)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	2.731.434.045	-	3.224.637.471	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.359.995.577	-	1.479.674.168	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	9.462.967	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	157.044.030	-	174.062.381	-
Tạm ứng	4.459.801.176	-	3.802.150.941	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	30.000.000	-
Sửa chữa tàu chi hộ Vinashinlines	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
Phải thu các Công ty bảo hiểm tiền bảo hiểm	1.357.614.771	-	2.298.837.062	-
Phải thu khách hàng tiền chi hộ	179.271.862	-	425.028.085	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Lê Chân	2.983.955.413	-	-	-
Phải thu khác	349.209.140	-	340.613.338	-
	18.189.379.543	-	15.902.316.516	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

7 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	663.659.754	-	663.659.754	-
- Chi nhánh Bạch Đằng - Công ty TNHH MTV Duyên Hải	119.475.379	-	119.475.379	-
- Sky Ocean Shipping Ltd	484.952.633	-	484.952.633	-
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	-	59.231.742	-
	<u>663.659.754</u>	<u>-</u>	<u>663.659.754</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.620.341.506	-	39.991.386.778	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	470.551.219	-	1.910.834.647	-
Hàng hoá	221.997.448	-	219.567.358	-
	<u>39.312.890.173</u>	<u>-</u>	<u>42.121.788.783</u>	<u>-</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
- Dự án tại lô đất TM8 Cầu Rào 2 ^(*)	671.729.091	497.380.909
	<u>763.686.291</u>	<u>589.338.109</u>

(*) Thông tin chi tiết dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới do trụ sở hiện tại của Văn phòng Công ty đang bị thành phố Hải Phòng thu hồi, thông tin chi tiết tại thuyết minh số 18 - Phải trả khác;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8 khu vực hồ sen Cầu Rào 2;
- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai công trình: Triển khai trong năm 2019;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2019: Văn phòng Công ty đang lên kế hoạch, đo đạc, địa chính và hoàn tất các thủ tục xin giao đất.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.857.917.875	130.752.694	1.510.031.208.202	334.154.249	1.535.354.033.020
- Mua trong kỳ	32.400.000	-	1.714.153.636	-	1.746.553.636
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(850.643.118)	-	-	-	(850.643.118)
- Thanh lý, nhượng bán tàu Mỹ An ^(*)	-	-	(56.849.370.455)	-	(56.849.370.455)
- Thanh lý tài sản cố định khác ^(**)	-	-	(5.094.004.250)	-	(5.094.004.250)
Số dư cuối kỳ	24.039.674.757	130.752.694	1.449.801.987.133	334.154.249	1.474.306.568.833
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.266.162.695	111.328.735	961.109.740.662	329.650.821	976.816.882.913
- Khấu hao trong kỳ	502.608.369	2.142.858	43.729.515.977	4.503.428	44.238.770.632
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(411.144.165)	-	-	-	(411.144.165)
- Thanh lý, nhượng bán tàu Mỹ An ^(*)	-	-	(56.849.370.455)	-	(56.849.370.455)
- Thanh lý tài sản cố định khác ^(**)	-	-	(4.125.810.019)	-	(4.125.810.019)
Số dư cuối kỳ	15.357.626.899	113.471.593	943.864.076.165	334.154.249	959.669.328.906
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.591.755.180	19.423.959	548.921.467.540	4.503.428	558.537.150.107
Tại ngày cuối kỳ	8.682.047.858	17.281.101	505.937.910.968	-	514.637.239.927

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 394.821.330.156 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.627.741.620 đồng.

(*) Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã hoàn tất việc thanh lý tàu Mỹ An theo kế hoạch thanh lý tàu để tái cơ cấu các khoản vay của Văn phòng Công ty với tổng giá trị bán thanh lý là 25.781.818.182 đồng. Lãi từ hoạt động thanh lý tàu Mỹ An là 25.781.818.182 đồng.

(**) Ngoài ra, Văn phòng Công ty đã thanh lý một số phương tiện vận tải, truyền dẫn khác với tổng giá trị bán thanh lý là 1.090.909.091 đồng. Lãi từ hoạt động thanh lý các tài sản cố định này là 112.351.224 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty là phần mềm quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản của Văn phòng Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng, Đà Nẵng và Quảng Ninh được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tính đến thời điểm 30/06/2019 lần lượt là 6.636.446.595 đồng và 6.205.454.073 đồng, chi phí khấu hao bất động sản đầu tư trong kỳ là 8.506.431 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.425.661.297	2.888.986.170
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	470.200	1.125.200
	<u><u>2.426.131.497</u></u>	<u><u>2.890.111.370</u></u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	17.557.650.998	9.602.923.570
	<u><u>17.557.650.998</u></u>	<u><u>9.602.923.570</u></u>

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	8.553.304.800	8.553.304.800	12.183.437.670	12.183.437.670
Bunkers Marine Pte Ltd	-	-	9.594.630.600	9.594.630.600
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	6.409.298.350	6.409.298.350	8.047.248.350	8.047.248.350
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	7.381.156.800	7.381.156.800	-	-
Phải trả các đối tượng khác	33.751.566.248	33.751.566.248	43.525.961.153	43.525.961.153
	<u><u>56.095.326.198</u></u>	<u><u>56.095.326.198</u></u>	<u><u>73.351.277.773</u></u>	<u><u>73.351.277.773</u></u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u><u>2.283.329.696</u></u>	<u><u>2.283.329.696</u></u>	<u><u>3.740.136.430</u></u>	<u><u>3.740.136.430</u></u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.950.900.252	198.127.942	198.127.942	-	2.950.900.252
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	53.127.840	53.127.840	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	35.376.880	271.033.429	245.096.233	-	61.314.076
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	299.319.140	299.319.140	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	8.374.144.917	2.986.277.132	827.608.351	801.671.155	8.374.144.917	3.012.214.328

Quyết toán thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	176.649.756	201.674.781
- Trích trước chi phí sửa chữa tàu	102.447.000	1.103.399.073
- Chi phí phải trả khác	1.906.174.963	1.427.204.645
	2.185.271.719	2.732.278.499

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng và bãi xe	-	14.338.523
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động dịch vụ vận tải	4.124.901.297	14.275.942.164
	<u>4.124.901.297</u>	<u>14.290.280.687</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.038.207.535	1.362.124.222
- Bảo hiểm y tế	980.579	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	1.801.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lãi vay	14.250.267.955	10.651.084.300
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	2.783.014.089	3.160.496.716
- Phải trả thuế TNCN	80.537.265	107.837.388
- Tiền bồi thường di dời trụ sở đợt 1 ⁽¹⁾	6.326.132.567	6.345.004.007
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.191.972.740	1.334.065.606
	<u>35.696.417.730</u>	<u>34.787.296.945</u>
b) Dài hạn		
- Phải trả lãi vay	20.347.601.634	16.977.923.326
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý ⁽²⁾	83.187.056.006	83.187.056.006
	<u>103.534.657.640</u>	<u>100.164.979.332</u>
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả lãi vay	8.524.441.755	6.526.700.738
	<u>8.524.441.755</u>	<u>6.526.700.738</u>

Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Theo đó các khoản lãi vay này nằm trong kế hoạch tái cơ cấu nên Văn phòng Công ty chưa thực hiện chi trả.

d) Phải trả các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

<u>9.400.000.000</u>	<u>11.201.379.706</u>
-----------------------------	------------------------------

(1) Theo thông báo số 100/TB-UBND ngày 22/03/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, Công ty được bồi thường để bàn giao diện tích đất tại địa chỉ số 01 Hoàng Văn Thụ. Đến thời điểm hiện tại, công tác di dời chưa kết thúc, các chi phí liên quan đến việc di dời chưa phát sinh hết, do đó chưa xác định được chênh lệch giữa tiền bồi thường và chi phí di dời làm cơ sở cho việc ghi nhận thu nhập.

(2) Khoản nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý liên quan đến hoạt động tái cơ cấu khoản vay của doanh nghiệp. Đây là phần chênh lệch giữa khoản gốc vay và lãi với giá vốn mua nợ của DATC sẽ được xử lý sau khi DATC hoàn thành việc thu hồi khoản giá vốn mua nợ này. Thông tin chi tiết về công tác xử lý nợ xem tại thuyết minh số 19 - Vay.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

19 . VAY

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ ^(*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ ^(*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	26.680.000.000	26.680.000.000	7.480.000.000	1.240.000.000	32.920.000.000	32.920.000.000
- Vay cá nhân	26.680.000.000	26.680.000.000	7.480.000.000	1.240.000.000	32.920.000.000	32.920.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	111.002.493.190		36.422.405.915	30.125.000.000	117.299.899.105	
- Nợ dài hạn đến hạn trả các Ngân hàng thương mại	60.752.493.190		26.172.405.915	-	86.924.899.105	
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	50.250.000.000		10.250.000.000	30.125.000.000	30.375.000.000	
	137.682.493.190	26.680.000.000	43.902.405.915	31.365.000.000	150.219.899.105	32.920.000.000
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn các Ngân hàng thương mại	316.855.498.190		1.113.945.915	-	317.969.444.105	
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	80.000.000.000		-	30.125.000.000	49.875.000.000	
	396.855.498.190		1.113.945.915	30.125.000.000	367.844.444.105	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(111.002.493.190)				(117.299.899.105)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	285.853.005.000				250.544.545.000	

(*) Hiện nay, các khoản nợ vay ngân hàng của Văn phòng Công ty đang được tái cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Do đó, khả năng trả nợ vay của Văn phòng Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn: bao gồm các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn 12 tháng, lãi suất 11%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương		
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng				101.585.450.000			29.620.000.000		
1.1	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	16.928.000.000	-	16.928.000.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005	Tàu Mỹ Hưng
1.2	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	71.885.450.000	-	71.885.450.000	12.692.000.000	-	12.692.000.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Vinaship Gold

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương		
2	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng				216.383.994.105			57.304.899.105		
2.1	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên 07/03/2011		- 9.282.882,63	216.383.994.105		- 2.458.382,63	57.304.899.105	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT	Tàu Vinaship Star và Mỹ Thịnh
3	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) ^(*)				49.875.000.000			30.375.000.000		
3.1	Thỏa thuận xử lý khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Từ 17/05/2018 đến 01/04/2021	49.875.000.000	-	49.875.000.000	30.375.000.000	-	30.375.000.000	Chương trình tái cơ cấu tập đoàn Vinalines của chính phủ 2017-2020	Tàu Mỹ Vượng, V. Diamond và V. Pearl
Tổng cộng					367.844.444.105			117.299.899.105		

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Trong năm 2018, Văn phòng Công ty đã tái cơ cấu thành công khoản vay với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB). Cụ thể, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại khoản nợ này từ phía ngân hàng và trở thành chủ nợ mới của Văn phòng Công ty. Văn phòng Công ty đã ký thỏa thuận thanh toán với DATC liên quan đến khoản nợ này, cụ thể như sau: Tổng giá trị khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và 0198/09/HP ngày 12/10/2009 cùng các phụ lục bổ sung (gồm cả lãi vay và gốc vay) được giảm và chuyển sang chủ nợ mới là DATC. Sau khi thanh toán xong khoản vay với DATC, Văn phòng Công ty sẽ tiến hành ghi giảm công nợ gốc, lãi vay liên quan được xóa với tổng số tiền 83,187 tỷ (Thông tin chi tiết tại điểm (b) Thuyết minh số 18 - Phải trả khác). Tính đến thời điểm hiện tại, Văn phòng Công ty đã thanh toán cho DATC một phần khoản nợ. Số còn phải trả 49,875 tỷ đồng đang theo dõi là khoản vay dài hạn phải trả DATC nêu trên.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số vay quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2019		01/01/2019	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	37.491.399.105	8.524.441.755	28.254.293.190	6.526.700.738
	<u>37.491.399.105</u>	<u>8.524.441.755</u>	<u>28.254.293.190</u>	<u>6.526.700.738</u>

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(14.806.335.487)	(14.806.335.487)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(296.166.702.744)	(13.233.980.890)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(248.136.344.901)	34.796.376.953
Lãi trong kỳ này	-	-	26.632.854.090	26.632.854.090
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	82.932.721.854	(221.503.490.811)	61.429.231.043

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	51,00%
Ông Nguyễn Quang Dũng	10.349.500.000	5,17%	10.349.500.000	5,17%
Các cổ đông khác	87.650.500.000	43,83%	87.650.500.000	43,83%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2019	2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	10.025.305.000	10.025.305.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	10.025.305.000	10.025.305.000
d) Cổ phiếu		
	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ Văn phòng Công ty		
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	<u>82.932.721.854</u>	<u>82.932.721.854</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài	30/06/2019	01/01/2019
Văn phòng Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, Đông Hải 2, Hải An và khu đất tại đường Ngô Quyền, Hải Phòng để sử dụng với mục đích trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 18.800 m ² . Theo đó, Văn phòng Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.		
b) Ngoại tệ các loại		
	30/06/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	529.034,99	637.146,21

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	258.700.040.623	311.693.317.861
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	95.870.222.174	40.947.462.890
	354.570.262.797	352.640.780.751
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	6.223.650.538	1.888.090.762

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	232.150.624.652	292.847.149.739
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	93.786.741.562	39.398.970.794
	325.937.366.214	332.246.120.533

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.496.344	674.841.731
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	254.662.413	3.147.641.490
	275.158.757	3.822.483.221

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.141.370.533	18.096.805.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	188.264.264	382.753.421
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.274.993.049	3.500.564.354
Dự phòng tổn thất đầu tư	14.168.600	113.384.895
Chi phí tài chính khác	227.366	112.434
	10.619.023.812	22.093.620.223

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	6.251.297.941	5.547.988.073
	6.251.297.941	5.547.988.073

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	637.860.585	561.578.393
Chi phí nhân công	7.486.666.413	6.233.865.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.798.272	161.685.126
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	26.082.000
Hoa hồng phí cho các tàu	2.423.584.736	1.843.134.723
Chi phí khác bằng tiền	594.758.589	626.142.852
	11.351.668.595	9.452.488.820

28 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	25.894.169.406	-
Thu nhập khác	122.210.072	143.376
	26.016.379.478	143.376

29 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	59.306.000
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	17.920	1.848.118.899
Các khoản bị phạt	-	2.100.000
Chi phí khác	69.572.460	20.000.287
	69.590.380	1.929.525.186

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.632.854.090	(14.806.335.487)
Các khoản điều chỉnh tăng	88.564.070	1.880.218.899
- Chi phí không hợp lệ	12.017.920	1.880.218.899
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	76.546.150	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(26.721.418.160)	(37.947.574)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(7.223.837)	(37.947.574)
- Chuyển lỗ các năm trước	(26.714.194.323)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(12.964.064.162)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.869.860.618	129.054.970.207
Chi phí nhân công	45.933.123.050	40.209.856.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.247.277.063	47.686.922.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.511.988.458	124.967.585.013
Chi phí khác bằng tiền	2.403.410.070	3.654.626.453
	<u>340.965.659.259</u>	<u>345.573.960.280</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.050.660.080	-	26.879.859.836	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.975.763.627	(663.659.754)	40.991.303.501	(663.659.754)
Đầu tư dài hạn	1.813.428.525	(1.705.807.320)	1.813.428.525	(1.691.638.720)
	<u>80.839.852.232</u>	<u>(2.369.467.074)</u>	<u>69.684.591.862</u>	<u>(2.355.298.474)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			400.764.444.105	423.535.498.190
Phải trả người bán, phải trả khác			195.326.401.568	208.303.554.050
Chi phí phải trả			2.185.271.719	2.732.278.499
			<u>598.276.117.392</u>	<u>634.571.330.739</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Văn phòng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Văn phòng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá trong tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Văn phòng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Đầu tư dài hạn	-	107.621.205	-	107.621.205
	<u>-</u>	<u>107.621.205</u>	<u>-</u>	<u>107.621.205</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	121.789.805	-	121.789.805
	<u>-</u>	<u>121.789.805</u>	<u>-</u>	<u>121.789.805</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Văn phòng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Văn phòng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Văn phòng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Văn phòng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Văn phòng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Văn phòng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty. Văn phòng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.050.660.080	-	-	26.050.660.080
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.591.666.054	720.437.819	-	52.312.103.873
	<u>77.642.326.134</u>	<u>720.437.819</u>	<u>-</u>	<u>78.362.763.953</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.879.859.836	-	-	26.879.859.836
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.607.205.928	720.437.819	-	40.327.643.747
	<u>66.487.065.764</u>	<u>720.437.819</u>	<u>-</u>	<u>67.207.503.583</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	150.219.899.105	250.544.545.000	-	400.764.444.105
Phải trả người bán, phải trả khác	91.791.743.928	103.534.657.640	-	195.326.401.568
Chi phí phải trả	2.185.271.719	-	-	2.185.271.719
	<u>244.196.914.752</u>	<u>354.079.202.640</u>	<u>-</u>	<u>598.276.117.392</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	137.682.493.190	285.853.005.000	-	423.535.498.190
Phải trả người bán, phải trả khác	108.138.574.718	100.164.979.332	-	208.303.554.050
Chi phí phải trả	2.732.278.499	-	-	2.732.278.499
	<u>248.553.346.407</u>	<u>386.017.984.332</u>	<u>-</u>	<u>634.571.330.739</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.480.000.000	1.940.000.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	31.365.000.000	63.920.000.000

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	Công ty con cùng tập đoàn

Văn phòng Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	6.223.650.538	1.888.090.762
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	4.584.562.909	-
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	1.611.587.629	1.840.130.762
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	27.500.000	47.960.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.731.434.045	3.224.637.471
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	12.100.000	721.573.375
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	2.719.334.045	2.503.064.096
Phải trả người bán ngắn hạn	2.283.329.696	3.740.136.430
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	185.137.394	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	2.098.192.302	3.696.807.917
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	-	10.600.000
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	32.728.513
Phải trả khác	9.400.000.000	11.201.379.706
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	9.400.000.000	11.201.379.706

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	<u>2019</u>	<u>2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	259.005.722	202.039.784
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	964.238.857	576.208.175

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Các báo cáo tài chính này của Văn phòng Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc lập và trình bày.

 <hr/> Nguyễn Bảo Ngọc Người lập	 <hr/> Trần Thị Thanh Hương Kế toán trưởng	  <hr/> Vương Ngọc Sơn Tổng Giám đốc
--	--	---

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2019